**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1- NĂM HỌC: 2024-2025**

**MÔN: TIẾNG ANH 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kỹ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kỹ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH/bài*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING**  **(2pts)** | 1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong khoảng 3 phút (khoảng 200 – 230 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề đã học.  *(True/False)* | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết về một trong các chủ điểm đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 3 phút (khoảng 200 – 230 từ) liên quan đến các chủ đề đã học.  *(MCQs)* | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết về một trong các chủ điểm đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **LANGUAGE**  **(3pts)** | **1. Pronunciation**  Nguyên âm đôi,  Trọng âm từ  (Stress in three -syllable words) | **Nhận biết:**  - Nhận biết các âm thông qua các từ vựng theo chủ điểm đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các âm trong phần nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng vào bài nghe/nói. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Vocabulary**  Từ vựng đã học theo chủ điểm. | **Nhận biết:**  - Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ điểm đã học.  (Word meaning (3), Preposition) | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ điểm đã học.  - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. (Synonym) |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (sentence arrangement to make a meaningful paragraph) |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **3. Grammar**  Các kiến thức ngữ pháp đã học. | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. (Past simple - **Error Identification)** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt các kiến thức ngữ pháp đã học. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng những kiến thức ngữ pháp đã học vào bài viết/ nói/ nghe/ đọc. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **4. Advertisement/school announcement** | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. (Articles) | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
|  |  |  | **Vận dụng:**  - Vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…)(Word form) |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
|  |  |  | **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt các kiến thức ngữ pháp đã học. (Verbs with prepositions) |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **III.** | **READING**  **(2.5pts)** | **1. Reading comprehension**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 250-280 từ về các chủ điểm đã học.  *(Cloze text)*  UNIT 1 | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. (Word meaning, Tenses) | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. (Conjunction/ connector/…) |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. (Collocation) |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **2. Reading comprehension**  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 250-280 từ, xoay quanh các chủ điểm có trong chương trình.  *(Reading comprehension)*  UNIT 2 | **Nhận biết:**  - Nhận biết thông tin chi tiết trong bài đọc. (Getting details) | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu ý chính của bài đọc.  (Main idea) |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  Reference  (Vocabulary/ pronoun) |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **IV.** | **WRITING**  **(2.5pts)** | **1. Controlled**  Cách dùng từ, cấu trúc, cú pháp. *(MCQs hoặc Matching và / hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nhận diện dùng từ, cấu trúc, cú pháp trong các bài viết có kiểm soát như sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh, tìm lỗi sai. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Guided**  Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước.  *-* ***Sentence combination*** *(WHICH referring to a whole sentence, WHILE)*  *(0.75pt)*  ***- Sentence transformation*** *(Past continuous and Past simple tenses, Verbs with preposition) (0,75pt)* | **Thông hiểu:**  - Kết hợp câu đơn thành câu phức sử dụng các cấu trúc đã học.  - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi. |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  | 4 |
| **3. Writing a biography**  **(1pt)** | **Vận dụng:**  - Vận dụng các kiến thức từ vựng, ngữ pháp đã học vào bài viết.  **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 bài \* 10% |
| Tổng | |  |  | ***16*** |  | ***9*** | ***2*** | ***5*** | ***2*** |  | ***1*** | ***30*** | ***5*** |